

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v “Tranh chấp đòi tài sản, hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hải

+ Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh
Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
158/2020/TLST-DS ngày 18/11/2020 về “Tranh chấp đòi tài sản, hợp đồng vay
tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày
07/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Yến D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố
1, Phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh
năm 1962. Địa chỉ: 2/18A ấp 11, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Long An. (Theo văn
bản ủy quyền ngày 14/10/2020) (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị D1, sinh
năm 1971. Cùng địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

**- Bà Phan Ngọc P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 49 Hai Bà Trưng, Khu
phố 3, Phường 2, thị xã K Tường, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt)**

- Bà Tô Thị Diễm T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên do bà thân quen với bà Phan Ngọc P nên vào ngày 15/5/2020 bà P không có tiền kêu bà cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D là khách quen của bà P vay 700.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng T hẹn 07 ngày trả lại, bà P nói lãi 3.000đ/1.000.000đ/ngày, lãi sẽ chia đôi, bà đồng ý. Bà P cung cấp thông tin, số tài khoản của ông Đ để bà chuyển tiền cho ông Đ. Bà P sẽ làm giấy tờ với ông Đ hẹn 07 ngày trả nên bà đã tin tưởng cho vay.

Sau 07 ngày không thấy ông Đ trả nên bà tìm bà P để hỏi tiền ông và bà D thì mới biết được ông Đ và bà D đã nhận tiền trả nợ Ngân hàng B nhưng không chịu vay để trả lại cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho bà 700.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 15/5/2020.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2021 và văn bản đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/9/2021, người đại diện theo ủy quyền của bà D xác định yêu cầu đòi tài sản, yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1 trả số tiền 700.000.000 đồng. Hiện bà D đang giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo khi ông Đ và bà D thanh toán đủ 700.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 23/3/2021:

Ông thừa nhận chữ ký Đ và tên Nguyễn Văn Đ trong biên nhận nợ ngày 15/5/2020 do bà Huỳnh Thị Yến D giao nộp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của ông nhưng ông không biết bà Phan Ngọc P và Huỳnh Thị Yến D là ai và cũng không vay mượn tiền gì với bà P và bà D mà ông chỉ biết bà T, khi nào bà T khởi kiện thì ông sẽ giải quyết với bà T. Do trước đây ông có vay 650.000.000 đồng của Ngân hàng B và có nhờ bà Tô Thị Diễm T làm hồ sơ vay dùm vào năm 2019, bà T kêu ông ký tên thì ông ký còn biên nhận ngày 15/5/2020 viết nhiều dòng chữ ông không biết, bà T chỉ đưa ông giấy trắng. Hiện nay ông cũng đã trả cho Ngân hàng số tiền đã vay là tiền của vợ chồng ông.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D vì ông không có nhận tiền từ bà D và cũng như không vay tiền.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D1: Không thể hiện ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Ngọc P trình bày tại bản tự khai ngày 21/12/2020:

Vào ngày 15/5/2020 ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D có hỏi vay mượn bà số tiền 700.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng B. Ông hứa 07 ngày trả lại số tiền mượn trên và bà có nhờ mượn dùm của bà Huỳnh Thị Yến D

700.000.000 đồng để đưa cho ông Đ, ông Đ có viết giấy nợ cho bà nhưng lúc chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ là bà Huỳnh Thị Yến D, ông Đ là người nhận tiền, kiểm tra tiền với bà D. Bà chỉ là người trung gian đứng ra giới thiệu cho ông Đ mượn tiền của bà D.

Nay bà D yêu cầu ông Đ và bà D trả 700.000.000 đồng, bà đồng ý theo yêu cầu của bà D. Bà P có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Diễm T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2021:

Ông Nguyễn Văn Đ nợ Ngân hàng đã đến hạn đáo nợ, bà và ông Đ biết bà Phan Ngọc P có nguồn tiền nên ông Đ nhờ bà điện nói cho ông Đ mượn tiền đáo nợ Ngân hàng. Bà có điện thoại cho bà P cho ông Đ mượn đáo nợ Ngân hàng 03 ngày ông Đ sẽ vay trả lại. Bà chỉ điện thoại còn giấy tờ vay mượn và thỏa thuận như thế nào giữa bà P và ông Đ tự làm. Khoản tiền 700.000.000 đồng là ông Đ nhận trực tiếp từ bà P. Do ông Đ không biết chuyển khoản nên nhờ bà D chuyển dùm vào tài khoản của ông Đ, khi chuyển khoản ở Phòng giao dịch thị xã K. Giấy tờ quyền sử dụng đất mà ông Đ thế chấp tại Ngân hàng thì sau khi trả nợ xong thì bà P giữ. Bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn chưa chấp hành pháp luật theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ chứng cứ bà Huỳnh Thị Yến D cung cấp là giấy nộp tiền ngày 15/5/2020 thể hiện nội dung “HUỲNH THỊ YẾN D NỘP TIỀN TT KHOẢN VAY SỐ 0161282019006 CHO KH NGUYỄN VĂN Đ” và căn cứ văn bản cung cấp thông tin cho Tòa án ngày 30/3/2021 của Ngân hàng TMCP B thể hiện ông Đ, bà D có vay tiền tại Ngân hàng TMCP B theo HĐTD số 01619000647000 ngày 08/5/2019 số tiền vay 650.000.000 đồng và ngày tất toán nợ là ngày 15/5/2020, người nộp tiền là bà Huỳnh Thị Yến D, số tiền nộp là 700.000.000 đồng. Đồng thời, căn cứ vào lời trình bày của ông Đ thì ông Đ thừa nhận ông có vay tiền tại Ngân hàng TMCP B số tiền 650.000.000 đồng vào năm 2019 và đã thực hiện trả nợ xong cho Ngân hàng nhưng ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn tiền để trả nợ cho Ngân hàng từ đâu mà có. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy có cơ sở xác định số tiền ông Đ, bà D có để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP B vào ngày 15/5/2020 là của bà Huỳnh Thị Yến D. Vì vậy, ông Đ, bà D đã thụ hưởng số tiền 700.000.000 đồng thì phải có nghĩa vụ trả lại cho bà D.

Về nghĩa vụ liên đới của bà Nguyễn Thị D1: Do bà D1 vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không thể hiện ý kiến, tuy nhiên xét thấy giữa ông Đ và bà D1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 288 là Bộ luật dân sự; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội

đồng xét xử buộc bà D1 cùng liên đới với ông Đ trả lại số tiền 700.000.000 đồng cho bà D1.

Xét biên nhận mượn nợ ngày 15/5/2020 do bà D cung cấp: Xét thấy biên nhận thể hiện bên vay là ông Nguyễn Văn Đ, bên cho vay là bà Phan Ngọc P nhưng cả ông Đ và bà P đều cho rằng giữa ông bà không có thỏa thuận việc vay mượn tiền; mặc khác bà P trình bày bà chỉ viết biên nhận dùm cho bà D, bà không trực tiếp giao tiền cho ông Đ và ông Đ cũng không nhận tiền từ bà P; số tiền 700.000.000 đồng để trả nợ tại Ngân hàng cho ông Đ là của bà D và bà D là người trực tiếp đi chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng TMCP B nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao dịch giữa bà P và ông Đ vô hiệu, hủy biên nhận mượn nợ ngày 15/5/2020.

Về các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa 390 tờ bản đồ số 3, diện tích 6225m²; thửa 788 tờ bản đồ số 2, diện tích 3234m²; thửa 787 tờ bản đồ số 2, diện tích 2705m²; thửa 504 tờ bản đồ số 2, diện tích 7480m² do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Long An hiện do bà D đang giữ và bà D có ý kiến là để đảm bảo cho nghĩa vụ trả 700.000.000 đồng cho bà nên không trả lại cho ông Đ và bà D. Xét thấy, bà Huỳnh Thị Yến D xác định có giữ bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, việc giữ giấy nêu trên để làm tin và đảm bảo cho nghĩa vụ trả 700.000.000 đồng cho bà; bà D xác định các bên không có hợp đồng thế chấp theo quy định pháp luật cho nên việc bà D giữ bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông Đ, bà D là không có căn cứ nên đề nghị buộc bà D phải trả lại các giấy chứng nhận QSD đất nêu trên cho ông Đ, bà D.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Diễm T không thể hiện ý kiến nên đề nghị không xem xét.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 166, 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Luật đất đai 2013 đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Yến D: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D liên đới trả 700.000.000 đồng cho bà D. Buộc bà Huỳnh Thị Yến D trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa 390 tờ bản đồ số 3, diện tích 6225m²; thửa 788 tờ bản đồ số 2, diện tích 3234m²; thửa 787 tờ bản đồ số 2, diện tích 2705m²; thửa 504 tờ bản đồ số 2, diện tích 7480m² do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả tọa lạc tại xã T, huyện V, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp đòi tài sản, hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1 có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy

định tại khoản 1, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không đề cập.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Phan Ngọc P, bà Tô Thị Diễm T có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử.

[4] Về nội dung khởi kiện:

[4.1] Ngày 10/6/2020 bà Phan Ngọc P có đơn khởi kiện tranh chấp đòi tiền vay với ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D với số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi và bà căn cứ biên nhận ngày 15/5/2020. Vụ việc được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý số 56/2020/TLST-DS ngày 18/6/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 22/9/2020 bà P có đơn xin rút đơn khởi kiện với lý do khởi kiện đòi tiền cho bà D nay bà D không đồng ý và bà D yêu cầu để bà D khởi kiện để trả trực tiếp cho bà D vì số tiền này ông Đ vay của bà D. Ngày 23/9/2020 Tòa án có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 29/2020/QĐST-DS. Hồ sơ thể hiện: Tại biên bản đối chất ngày 07/8/2020 ông Đ thừa nhận có vay 700.000.000 đồng, số tiền vay này ông trả nợ Ngân hàng, bà T giới thiệu cho ông vay, ông không có nhận tiền mà trả tiền vô Ngân hàng và không biết bà P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020 ông Đ cũng trình bày vào ngày 15/5/2020 ông có nhờ bà Tô Thị Diễm T vay tiền của bà Phan Ngọc P số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 6%/ngày, vay để đáo nợ Ngân hàng. Ngày 18/5/2020 ông có đưa cho bà T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 788, 390, 784, 504. Sáng ngày 19/5/2020 bà T nói lạc mất 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vay Ngân hàng không được, đến nay ông chưa trả tiền cho bà P được. Nay bà P yêu cầu vợ chồng ông trả 700.000.000 đồng, ông đồng ý.

[4.2] Tại văn bản ngày 30/3/2021 của Ngân hàng TMCP B thể hiện bà Phan Ngọc P, bà Huỳnh Thị Yến D, bà Tô Thị Diễm T không phải là nhân viên Ngân hàng, vào năm 2019 ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D có vay tiền tại Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số 01619000647000 ngày 08/5/2019 với số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn trả 12 tháng, tài sản bảo đảm là bất động sản theo giấy chứng nhận số CC 850141, CC 850140, CC 850143, CL 862493, CC 850142, CC 850149, AN 321540. Ngày 15/5/2020 tất toán nợ, người nộp tiền Huỳnh Thị Yến D (Nội dung: Huỳnh Thị Yến D nộp tiền TT khoản vay số 0161282019006 cho kh Nguyễn Văn Đ), số tiền nộp 700.000.000 đồng. Ngân hàng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trực tiếp cho khách hàng vay là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D vào cùng ngày tất toán nợ. Tại Hợp đồng tín dụng số 0161900064700 ngày 07/5/2019 thể hiện ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D có vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 650.000.000 đồng.

[4.3] Bà Huỳnh Thị Yến D cung cấp chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là giấy nộp tiền ngày 15/5/2020, thể hiện người nộp tiền là bà Huỳnh Thị Yến D, bên thụ hưởng là ông Nguyễn Văn Đ với số tiền 700.000.000 đồng. Và từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định số tiền ông Đ, bà D có để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP B vào ngày 15/5/2020 là của bà Huỳnh Thị Yến D.

[4.4] Xét biên nhận mượn nợ ngày 15/5/2020 thể hiện bên cho vay bà Phan Ngọc P và bên vay là ông Nguyễn Văn Đ với số tiền vay 700.000.000 đồng, thời gian vay là 04 ngày, bắt đầu ngày 15/5/2020 đến ngày 18/5/2020 được ông Đ thừa nhận có ký tên bên vay nhưng cho rằng không có nhận tiền từ bà P. Bà Phan Ngọc P cho rằng cũng không giao tiền cho ông Đ mà do tiền bà D chuyển tiền cho ông Đ. Cho nên mặc dù ông Nguyễn Văn Đ có ký biên nhận mượn nợ ngày 15/5/2020 nhưng thực tế bà P không giao tiền cho ông Đ nên không thỏa mãn điều kiện của hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự nên bị vô hiệu.

[4.5] Bà Phan Ngọc P và bà Huỳnh Thị Yến D thống nhất số tiền 700.000.000 đồng ông Nguyễn Văn Đ đã nhận để thanh toán hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP B là của bà D. Bà D không chứng minh được có thỏa thuận giữa bà và ông Đ có mối quan hệ vay mượn tiền với nhau và không tranh chấp hợp đồng vay với ông Đ mà chỉ đòi ông Đ và bà D trả lại đúng số tiền 700.000.000 đồng. Ông Đ là người nhận được số tiền từ bà D qua việc bà D đã chuyển khoản ngày 15/5/2021 để thanh toán khoản nợ vay Ngân hàng TMCP B. Bà Nguyễn Thị D là vợ của ông Đ vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không thể hiện ý kiến nhưng bà D là người có nghĩa vụ cùng ông Đ trả số tiền vay cho Ngân hàng TMCP B. Hơn nữa ông Đ và bà D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình bà D cùng liên đới với ông Đ trả số tiền 700.000.000 đồng cho bà D. Nên yêu cầu khởi kiện của bà D và lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4.6] Còn ông Đ cho rằng đã lấy tiền nhà trả cho Ngân hàng là không có căn cứ. Việc Ngân hàng TMCP B cho rằng khi ông Đ vay tiền có tài sản bảo đảm là bất động sản theo 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ngân hàng đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trực tiếp cho chính khách hàng vay là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D vào cùng ngày tất toán nợ. Hiện nay người đại diện theo ủy quyền của bà D khẳng định đang giữ 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC850139, CC850141, CC850142, AN 321540, mặc dù ông Đ không yêu cầu trả lại giấy nhưng việc giữ giấy của bà D là không hợp pháp nên yêu cầu để đảm bảo trả khoản nợ 700.000.000 đồng là không có căn cứ. Để giải quyết triệt để vụ án cần buộc bà D có nghĩa vụ trả lại 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ cho ông Nguyễn Văn Đ.

[4.7] Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại, ông Đ và bà D có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Yến D được chấp nhận yêu cầu nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho bà D (20.000.000 đồng + 12.000.000 đồng (300.000.000 đồng x 4%) = 32.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, 463 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Yến D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1 liên đới trả số tiền 700.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Yến D số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Yến D phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ 04 (bốn) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC850139, số vào sổ CH 01523/TK được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 11/11/2015 với diện tích 6.225 m² tại thửa số 390 tờ bản đồ số 3.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC850141, số vào sổ CH 01521/TK được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 11/11/2015 với diện tích 2.705 m² tại thửa số 781 tờ bản đồ số 2.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC850142, số vào sổ CH 01520/TK được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 11/11/2015 với diện tích 3.234m² tại thửa số 788 tờ bản đồ số 2.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 321540, số vào sổ H 00821/CNQSDĐ được UBND huyện Vĩnh Hưng cấp ngày 22/7/2009 với diện tích 7.480 m² tại thửa số 504 tờ bản đồ số 2.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu 32.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Yến D 16.210.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 18/11/2020 theo biên lai thu số 0002758.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The